

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 08/2016/DSST

Ngày 05.03.2016

V/v “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Diệu T** – Sinh năm: 1970

Trú tại: Số 280A/09 đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

* *Bị đơn:* Ông **Phan Văn T** – Sinh năm: 1975 và bà **Nguyễn Thị Lan H** – Sinh năm: 1976.

Cùng trú tại: Số 237 đường N, phường B, quận H, Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

* *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Hữu C** – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng T Chi nhánh Đ, số 48 T Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2017, bản khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị Diệu T trình bày:

Vào ngày 23/2/2017 ông Phan Văn T có ký vào giấy thoả thuận phải trả tôi số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày viết giấy, số tiền này xuất phát từ vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 237 đường N, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng giữa tôi với vợ chồng ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H.

Theo giấy cam kết thì đến ngày 23/2/2017 ông T và bà Lan H phải trả tôi số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng), nhưng đến nay ông T và bà H vẫn chưa thanh toán cho tôi. Do vậy tôi đề nghị Toà án buộc ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H phải trả cho tôi số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) bao gồm 75.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh là 2.500.000đ/tháng thời hạn là 10 tháng.

Tại phiên toà bà T yêu cầu ông T và bà Lan H phải trả cho bà số tiền lãi là 16.500.000đ (Mười sáu triệu) tiền lãi phát sinh từ ngày 24/3/2017 đến nay (ngày xét xử) là 11 tháng mức lãi suất là 2%/tháng.

Số tiền 75.000.000đ này là tiền riêng của tôi vì lô đất mà tôi, ông và bà Lan H đang tranh chấp là tài sản riêng của tôi, không liên quan gì đến chồng tôi.

Trong bản trình bày ngày 02/3/2018 ông Phan Văn T trình bày:

Ông Phan Văn T thừa nhận vào ngày 23/2/107 ông có ký giấy thoả thuận với bà T trong thời hạn 30 ngày ông phải trả cho bà T số tiền là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng y) nhưng vì hiện nay ông đang gặp khó khăn về tài chính nên ông xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình giải quyết tại Toà án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông T và bà Lan H nhưng ông T và bà Lan H không có văn bản phản hồi, tại các phiên hoà giải ông T và bà Lan H vắng mặt không lý do nên Toà án không thể tiến hành hoà giải cho các bên được.

Tại phiên toà lần hai ông Phan Văn T bà Nguyễn Thị Lan H, ông Nguyễn Hữu C vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Lan H và ông Nguyễn Hữu C nhưng ông T, bà H và ông C vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H và ông C.

[II] Về nội dung

[1] Xét yêu cầu của bà Phan Thị Diệu T buộc ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H phải trả cho bà T số tiền là 91.500.000đ (Chín mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) bao gồm 75.000.000đ tiền gốc và 16.500.000đ tiền lãi phát sinh từ ngày 3/2017 đến nay là 11 tháng mức lãi suất là 2%/tháng.

HĐXX thấy việc ông T và bà T tự nguyện thỏa thuận ông T phải trả cho bà T số tiền là 75.000.000đ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 23/2/2017 nhưng đến nay ông T vẫn chưa thanh toán, do vậy yêu cầu của bà T buộc ông T và bà Lan H phải trả số tiền gốc là 75.000.000đ là có cơ sở nên cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 274, 275, 280 và 281 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tiền lãi của bà Phan Thị Diệu T với mức lãi suất là 2%/tháng, thời hạn là 11 tháng với số tiền là 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng) ($75.000.000 \times 2\% \times 11$ tháng).

HĐXX thấy ông T cam kết trong thời hạn 30 ngày phải trả cho bà T số tiền là 75.000.000đ nhưng đến hạn ông T bà Lan H vẫn không thanh toán do vậy yêu cầu tính lãi của bà T là có cơ sở cần chấp nhận. Nhưng mức lãi suất của bà T là 2%/tháng là không hợp lý, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi được xác định là 10%/năm do vậy HĐXX không chấp nhận mức lãi suất 2%/tháng thời hạn tính lãi suất là 11 tháng của bà T mà chỉ chấp nhận mức lãi suất là 10%/năm và thời hạn tính lãi là 11 tháng với số tiền là 6.875.000đ (Sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng y).

[2] Việc Toà án xác định bà Nguyễn Thị Lan H là bị đơn phải có trách nhiệm cùng với ông T trả cho bà T số tiền 75.000.000đ, vì cơ sở của việc thỏa thuận này xuất phát từ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Phan Thị Diệu T với ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H tại địa chỉ số 237 đường N, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

[3] Việc cam kết trả tiền này là tài sản riêng của bà Phan Thị Diệu T không có cơ sở xác định số tiền 75.000.000đ là tài sản chung của bà Phan Thị Diệu T và ông Nguyễn Thanh H là chồng của bà Phan Thị Diệu T nên Toà án không đưa ông Nguyễn Thanh H vào tham gia tố tụng tại Toà án.

[4] Ông Phan Văn T xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng tại phiên toà bà Phan Thị Diệu T không đồng ý và đề nghị ông T bà H trả dứt điểm một lần nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự:

Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1, khoản 2 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Phan Thị Diệu T phải chịu tiền án phí trên số tiền không được Toà án chấp nhận là 9.625.000đ (16.500.000đ – 6.825.000đ) theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 274, 275, 280 và 281 Bộ luật dân sự năm 2015

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Diệu T đối với ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H.

Xử buộc ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H phải trả cho bà Phan Thị Diệu T số tiền là 81.875.000đ (Tám mươi một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) trong đó gồm tiền gốc là 75.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ tháng 3/2017 đến tháng 2/2017 là 11 tháng với mức lãi suất là 10%/năm với số tiền là 6.875.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 280, 281, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện về việc “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền” của bà Phan Thị Diệu T đối với ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H.

Buộc ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H phải trả cho bà Phan Thị Diệu T số tiền là 81.875.000đ (Tám mươi một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) trong đó gồm tiền gốc là 75.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ tháng 3/2017 đến tháng 2/2017 là 11 tháng với mức lãi suất là 10%/năm với số tiền là 6.875.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu là 4.093.750đ (Bốn triệu không trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng). (81.875.000đ x 5%)

Án phí dân sự sơ thẩm bà Phan Thị Diệu T phải chịu là 481.250đ (Bốn trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng), (9.625.000 x 5%).

Hoàn trả lại cho bà Phan Thị Diệu T số tiền tạm ứng án phí là 2.018.750đ đã nộp theo biên lai thu số 9920 ngày 08/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Ba